TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THUỶ
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 94/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THUỶ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Thái Dìn và ông Nguyễn Ngọc Tính
-*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký TAND huyện Cẩm Thuỷ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Cẩm Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXX-ST, ngày 16 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2023 giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T sinh năm 1984.
Trú tại: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
2. Bị đơn: Anh Hà Văn T1 sinh năm 1986
Trú tại: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2023 và bản tự khai nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Hà Văn T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa ngày 15/7/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau và xảy ra va chạm dẫn đến tình cảm bị rạn nứt. Chị

đã đưa con về nhà ngoại để sống từ năm 2018. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Bị đơn anh Hà Văn T1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Giấy triệu tập cho anh, anh đã nhận nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hà Văn P, sinh ngày 10/10/2011. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, điều 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Hà Văn T1.

Về con chung: Vợ chồng chị T và anh T1 có 01 con chung là Hà Văn P, sinh ngày 10/10/2011. Giao cháu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị T làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Hà Văn T1 trú tại: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, việc chị T khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Chị Bùi Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt chị theo quy định tại khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật TTDS.

Anh Hà Văn T1 có mặt tại địa phương, nhưng không đến Tòa án làm việc. Anh T1 đã được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Các thủ tục tố tụng đã được đã tiến hành đảm bảo theo quy định tại khoản 2 điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227- Bộ luật TTDS. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy tiến hành xét xử vắng mặt anh T1. Bị đơn không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, C, Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh T1 phát sinh mâu thuẫn là do do anh bất đồng quan điểm, không hợp nhau và xảy ra va chạm dẫn đến tình cảm bị rạn nứt. Xét mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, phát triển ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 51 và điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hà Văn P, sinh ngày 10/10/2011. Chị T có nguyện vọng được nuôi con, cháu P có đơn nguyện vọng xin được ở với mẹ. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con giao cháu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[5] Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, 82 và 83 - Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 177, khoản 1 điều 227, điểm a điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Hà Văn T1.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hà Văn P, sinh ngày 10/10/2011. Giao cháu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010502, ngày 04/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy. Chị T đã nộp đủ án phí DSST.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Vũ Thị Ánh Tuyết

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Cẩm thuỷ.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện Cẩm thuỷ.
- UBND xã Cẩm Châu.
- Lưu hồ sơ vụ án

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**